

Số: 96/2024/QĐST-DS

Bình Chánh, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 70/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: C1/11 ấp 3, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:*

2.1. **Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C**

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Khiếu Đình Lân**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 736/205/33A1 Lê Đức Thọ, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền lập ngày 07/4/2020)

2.2. **Công ty TNHH một thành viên khu công nghiệp V**

Địa chỉ: Lô A59/I đường số 7, khu công nghiệp V, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 14 Lê Ngung, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 11/8/2020)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: C21/12 ấp 3, xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1965

3.3 Bà **Mai P A**, sinh năm: 1993

Cùng địa chỉ: 818/55/4A đường Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Bà **Lê Thị Xuân ThA**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: C1/11 ấp 3, xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Cường, bà P, bà A, bà ThA: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: C1/11 ấp 3, xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 07/5/2020)

3.5 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phan Văn T**, sinh năm: 1937 (chết ngày 16/8/2023) gồm:

3.5.1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1960

Địa chỉ: C21/12 ấp 3, xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5.2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1964

Địa chỉ: 5B Hoài ThA, Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

3.5.3. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1965

Địa chỉ: 818/55/4A Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Thả gồm ông Cường, bà Tuyết, bà P là bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1954

Địa chỉ: C1/11 ấp 3, xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền lập ngày 03/01/2023)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị L, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C và Công ty TNHH một thành viên khu công nghiệp V thống nhất hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 223/CN lập ngày 22/4/2005 được ủy ban nhân dân xã V xác nhận ngày 25/4/2005 giữa bà Nguyễn Thị L với Khu công nghiệp V, đối với phần đất có diện tích 1250m² thuộc thửa 491, tờ bản đồ số 10 (TL 02), tọa lạc tại xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C và Công ty TNHH một thành viên khu công nghiệp V có trách nhiệm giao trả lại cho hộ bà Nguyễn Thị L phần đất có diện tích 1250m² thuộc thửa 491, tờ bản đồ số 10 (TL 02), tọa lạc tại xã V A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, vị trí đất là vị trí khu 2, thuộc thửa 491-2 (diện tích 1183.1 m²), 491-3 (diện tích 66.9m²) của Bản đồ hiện trạng vị trí áp ra ngày 31/10/2022 của Trung tâm đo đạc bản đồ - thuộc sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục cập nhật biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Chi phí đo đạc là 11.947.999 đồng (mười một triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng) và chi phí định giá là 23.550.000 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng), Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C chịu. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C đã thực hiện xong

3.2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) bà Nguyễn Thị L chịu. Bà L đã thực hiện xong.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 57.575.000 đồng (năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4.1. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 28.787.500 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bà L thuộc trường hợp người cao tuổi quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và có đơn đề nghị xin miễn nộp án phí gửi Tòa án nên bà L được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

4.2. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và đầu tư C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.787.500 đồng (hai mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy

